

BẢN LUẬN 8

Môn thứ năm trong “tạp nhiễm đẳng khởi” phân làm hai phần:

1. Thuyết minh ba thứ tạp nhiễm.
2. Thuyết minh đoạn ba thứ tạp nhiễm, tu sáu Hiện quán.
 - Trong thuyết minh ba thứ tạp nhiễm lại có hai phần:
 1. Hỏi đáp sơ lược.
 2. Hỏi đáp lại.
 - Trong đáp lại có hai phần:
 - a. Trình bày ba thứ tạp nhiễm.
 - b. Tùy giải thích riêng.
 - Phiền não tạp nhiễm có ba thứ:
 1. Hỏi.
 2. Đáp sơ lược chín môn.
 3. Giải thích riêng.

“Tạp nhiễm”, là cùng với Nhiễm xen tạp nhau, Nhiễm là phiền não, hoặc tương ứng, hoặc Duyên trói buộc, hoặc đồng thời khởi, hoặc gián đoạn sinh, hoặc cùng khởi, đều gọi là Tạp nhiễm. Phiền não thì có đủ năm loại; thiện nghiệp thì có đủ bốn loại, trừ Tương ứng; Sinh thì có đủ ba loại sau. tùy chỗ thích đáng mà có, cho nên gọi là Tạp nhiễm.

“Tự tánh”, là Thể của phiền não, Đối Pháp luận quyển 6 ghi: “Thuyết không thanh tịnh là Cộng tướng của phiền não. Hiện tại nói Tự tánh, là chỉ khắp phiền não cho nên gọi là Cộng tướng. Thể của mỗi mỗi pháp thì gọi là Tự tánh, hoặc đối với Phi phiền não thì gọi là Tự tướng, mỗi mỗi Phiền não tự mong nhau thì gọi là Cộng tướng, nghĩa của chỗ mong nhau riêng biệt cũng không trái nhau. “Hành tướng không tịch tĩnh tương tục chuyển”, là đời trước Hiện hành thì đời này là Chủng tử, luận kia giải thích rằng: “Do đời này thân tâm tương tục không tịch tĩnh mà chuyển, đó là tướng phiền não. Tướng này lại có sáu thứ đó là tán loạn, điên đảo, trạo cử, hôn trầm, phóng dật, vô sỉ bất tịch tĩnh tánh.

Trong bảy Tùy miên, Dục ái tùy miên là thô trọng của tham dục. Sân khuể là thô trọng của sân. Hữu ái là thô trọng của tham thực Sắc và Vô sắc. Những thứ còn lại đều như tên gọi của nó, mỗi thứ đều có thô trọng của tự nó. Tham khai mở hai môn, ngoài ra mỗi mỗi đều có một loại, hợp thành bảy loại, Đối Pháp luận ghi: “Người chưa lìa Dục cầu... là do Dục ái sân khuể. Sở tùy tăng trưởng là do nương hai thứ tăng trưởng Dục cầu. Người chưa lìa Hữu cầu, thì có ái tùy theo tăng trưởng. Người chưa lìa Tà phạm hạnh cầu, là do Mạn, Vô minh, Kiến, Nghi,

tùy theo tăng trưởng, người đó được diệt trừ chút ít thì liền sinh Kiêu mạn, ngu si đối với Thánh đế, chấp Tà giải thoát, phương tiện giải thoát trong Phật pháp thì do dự nghi ngờ, tùy theo thứ tự của nó mà bốn chỗ tùy tăng trưởng, mà kế chấp Kiến thủ của Tà Giải thoát”. Giải thoát Phương Tiện trong Phật pháp là do dự nghi ngờ, tùy thứ tự của nó mà có bốn chỗ tùy theo tăng trưởng mà kế chấp Tà giải thoát và Kiến thủ; Giải thoát phương tiện là bốn Kiến còn lại, các tự môn khác cũng đều do nghĩa này. Bảy loại Tùy miên này chỉ có ba loại Cầu đó, dựa vào mỗi mỗi tăng trưởng mà nói riêng từng loại, cho nên cùng với các kinh luận đều không trái nhau. Trong phần Sai biệt sau sẽ dẫn quyển 89 để giải thích.

Trong tám loại Tùy miên, “ngoài Kiến lìa Nhị thủ”, vì Thủ và Kiến riêng khác. “Lìa Nhị thủ”, là Kiến và Giới riêng biệt.

“Chín Kết”, quyển 89 ghi: “Nương vào chín Sự mà sinh”, rộng nói như trong luận đó, ba thứ Khuể Tật Xan, chỉ có cõi Dục trói buộc, thông với Kiến đoạn và Tu đoạn, còn lại sáu Kết thì thông với ba cõi, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Ái kết, là Tham... của ba cõi, hai môn Thủ và Kiến coi trọng riêng biệt, vì chỗ chấp riêng biệt cho nên nói riêng biệt. Ganh tị với vinh quang của người khác mà không trọng chánh pháp, bôn xển với tài sản không tuân lời lìa xa, do chín thứ này mà rộng hành bất thiện, không hành các thiện, là ác ngày càng nhiều, có thể hoà chung với khổ, khổ có thể tháo mở, cho nên đặt tên là Kết.

Trong mười hai Đế, “Khổ và Tập, Diệt và Đạo, từng loại mà nói”, là có Vô lậu, Hữu lậu, quả, nhân riêng biệt. Cõi Dục tăng thượng là chỗ hiển của Biến trí và quả Biến trí. “Diệt đế Đạo đế”, Biến trí là Đạo đế, quả là quả của Diệt đế và Đạo đế, chỗ hiển của Biến trí tức là Thể của Đạo đế, vì do tự Biến trí hiển thị Đạo đó. “Cõi Dục tăng thượng”, đã có nghĩa của nhân thì gọi là Tăng thượng, tức là do khởi chỗ chứng đắc của tu nhân, cho nên gọi là Tăng thượng, Thể tức là Diệt đế; hoặc đã có nghĩa của quả gọi là Tăng thượng, là ngay trong Đạo đế có Diệt quả. Một chữ Tăng thượng này thông suốt với quả kia và chỗ hiển của quả kia. Biến trí tức là quả kia, hoặc quả kia tức là Tăng thượng, gọi quả kia là Biến trí, ngoài ra cứ theo đây mà có thể hiểu. Lại nữa, có người giải thích rằng: “Biến trí tức là quả Đạo đế, là chỗ hiển Diệt đế của Biến trí”, nghĩa này không đúng, vì không phải thứ tự. “Bốn Đế của cõi Dục mỗi loại có mười Phiền não”, Đối Pháp luận, Duy Thức luận tất cả đều đồng, trong quyển 58, Khổ đế có đủ mười phiền não, ba Đế còn lại thì mỗi loại chỉ có tám Phiền não. Thành Duy Thức luận ghi: “Khổ đế là Y

xứ của nhân kia, Diệt và Đạo thì nương vào Bố ụy xứ kia, cho nên bốn Đế mỗi loại đều có mười hành tướng; Biệt không và Phi ngã thuộc Khổ đế, ba Đế còn lại mỗi loại có tám hành tướng, Khổ đế thì đủ mười hành tướng”. Hoặc có giải thích khác: “Bốn Đế mỗi loại có mười Phiền não, không phải mỗi một hành tướng đều có mê riêng chướng Đế, nhưng khi Phiền não sinh, thì có lý Năng mê đế và Năng chướng đế, cho nên phỏng theo tổng hạnh nói mỗi loại đều mê bốn Đế, không phải Thân kiến, Biên kiến riêng mê ba Đế còn lại, vì Hạnh khó biết; hoặc Thân kiến Biên kiến nghe nói Diệt, Đạo mà sinh bố ụy, vì sợ Ngã bị đoạn, gọi là mê Diệt và Đạo”. Thật ra chỉ duyên Khổ đế và Tập đế mà khởi, chữ “tổng” là kể ra bốn Đế, thật ra không phải ba Đế mỗi loại đều có đủ mười hành tướng, như Duy Thức sơ nói.

Tát-ca-da kiến, theo giải thích của Thuyết nhất thiết hữu Bộ, kinh Bộ và Đại thừa, cả ba giải thích đều khác nhau, như Duy Thức sơ. Đẳng tùy quán chấp là thuyết minh hành tướng của Kiến, trong năm Uẩn, hoặc Tự tướng hoặc Cộng tướng, bình đẳng quán sát, tùy theo chỗ quán kia liền chấp làm Ngã.

Trong Biên kiến, “hoặc Phân biệt hoặc Bất phân biệt”, Duy Thức quyển 6 có hai thuyết, một là chỉ có Đoạn kiến, thông với hai môn này; một là cũng Thường kiến, dẫn Giáo và Lý rộng như luận đó nói.

Trong Kiến thủ, “vì Tát-ca-da kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến...”, đây là thuyết minh Cảnh của Kiến thủ. Sở y là Căn, Sở duyên là Cảnh, Sở nhân là Chủng tử, tổng chấp làm Thù thắng và Năng tịnh, hai nghĩa đầy đủ mới gọi là hành tướng của Kiến thủ. Giới thủ cũng vậy, vì chỗ chấp Kiến và Giới có sai biệt cho nên phân thành hai Thủ. Kiến thủ trong đây chỉ nói là Thù thắng, không nói là Năng tịnh; Giới thủ thì chỉ nói là Năng tịnh giải thoát, không nói là Thù thắng. Duy Thức hội ghi: Vì Ảnh tượng cho nên nói sơ lược. “Hoặc Tùy chuyển môn, nếu không như thế thì tại sao không phải Diệt mà chấp Diệt, không phải Đạo mà chấp Đạo, gọi đó là Tà kiến, không phải hai Thủ nhiếp. “Là Tối, là Thượng thắng diệu đệ nhất”, là chấp pháp của ba cõi, vì như thứ tự sai biệt. “Tức là đối với Kiến kia, Kiến kia tùy hành tướng”, là do các Giới thủ nương vào Kiến thủ ở trước mà vọng chấp Giới cấm làm Năng tịnh thù thắng. Nói rằng đối với Kiến kia, đối với Ngôn đó mà nương vào nghĩa, không phải chấp Kiến kia làm Giới thủ, chấp tùy thuận chỗ thọ Giới cấm của Kiến kia tương ứng với Uẩn... làm Năng tịnh thù thắng, cho nên nói Kiến kia tùy hạnh, hoặc đối với Kiến kia tức là Thể của Kiến trước, Kiến kia tùy hạnh tức là Kiến tương ứng, y theo nghĩa, y theo Kiến và

tùy thực hành chỗ thọ Giới cấm, chấp đó làm Năng tịnh thù thắng, gọi là Giới cấm thủ. “Là giải thoát hay là xuất ly”, là chấp pháp của ba cõi như thứ tự mà làm Giới thủ, như thứ tự mà làm nhân xuất ly ba cõi.

Trong Mạn, “đối với ngoại đạo và nội đạo cao mạn không hơn kém”, là đối với ngoại đạo thì cao thấp, đối với nội đạo thì hơn kém. “Đối với ngoại đạo thấp hơn”, là Ty mạn. “Đối với ngoại đạo cao hơn”, là ba Mạn còn lại, Tăng thượng mạn, Tà mạn và Ngã mạn. “Vì không duyên ngoại đạo, đối với nội thù thắng”, đó là sáu Mạn, chấp Ngã đề cao, không có đức, là có chút ít đức mà cho là nhiều, đều là Nội thắng, Ty mạn là Nội liệt, vì không bằng người ta.

Trong Nghi, “chỉ dùng lấy phân biệt khác với Giác làm Thể”, Duy Thức có hai thuyết:

1. Thể của Nghi tức là tuệ. Tỳ-trợ-mạt-để là nghĩa của Nghi. Mạt-để-bát-nha nghĩa vốn không khác. Do dự lựa chọn là nghĩa của Nghi, đây gọi là phân biệt. Lấy Giác khác làm thể cho nên Nghi tức là tuệ, là vẫn làm chứng của Duy Thức kia.

2. Không phải như vậy riêng có Tự tánh, vì thế tục không nói năm Kiến là Nghi, Tỳ-trợ-nhã-nam là trí xứng với Thức. Do tuệ không quyết định gọi là phân biệt, lấy Giác khác làm Thể, tánh không phải tức là tuệ.

“Một là do Chung tử đeo theo, hai là do Tăng thượng sự kia”, đoạn này giải thích nghĩa của Tùy miên, do Tùy miên kia hiện hành trong thế sự, khiến cho pháp Hữu lậu đều có thô trọng, không có tánh đảm đương, chướng người tu hành và pháp của các bậc Thánh, cho nên nói do Tăng thượng sự kia, hoặc do Hoặc chủng phát nghiệp nhuận sinh, chiêu cảm quả của nhiều đời, cho nên nói là do Chung tử tăng thượng sự kia.

“Do nhiếp thọ Hiện pháp thấp hèn”, là do phiền não cho nên nhiếp thọ pháp của các sắc thấp hèn hiện tại mà trở thành pháp xấu ác hạ tiện.

“Lại nữa, do bảy môn mà tất cả phiền não đối với Kiến đạo và Tu đạo có thể làm chướng ngại”, là sáu Kiến đạo chướng trước và một Tu đạo chướng sau. Quyển 59 ghi: “Tát-ca-da kiến, Biên kiến, Tà kiến, gọi là Tà giải liễu, vì mê bốn Đế. Vô minh gọi là Bất giải liễu; Nghi là Giải liễu và Bất giải liễu. Kiến thủ, Giới thủ, Tham, Sân và Mạn, duyên Kiến làm Cảnh. “Chỗ đoạn của Kiến”, tất cả đều là Tà giải liễu và mê chấp. Từ trên đến đây có bốn môn, tổng nhiếp hết tất cả Kiến đoạn hoặc. “Những người mê Khổ đế và Tập đế này”, là mê Y xứ hành của nhân kia. “Mê Diệt và Đạo”, là mê bố úy kia mà sinh Hành. Nếu

tu đoạn phiền não thì gọi là tùy ý hiện hành.

Trong Phiền não thượng phẩm, “là tướng mạnh nhanh và tướng càng nặng”, tức Cự dịch là vì lợi ích mà siêng cần. Chấp chặt không xả gọi là càng nặng, chỉ riêng mạnh nhanh hoặc riêng càng nặng, hoặc đồng thời, đều là thượng phẩm, hoặc những thứ này chỉ có Thủ đồng thời. “Không phải riêng khởi do tương tục, là Tham hạnh... các Căn thành thực, thiếu niên cường tráng không có pháp Niết-bàn”, là Tham hạnh, Sân hạnh, Si hạnh... phân ra hiện hành, những thứ này các Căn thành thực, gọi là Phiền não tương tục. Thân nào khởi? Là thiếu niên cường tráng. Người không có pháp Niết-bàn, là sở khởi của thân. Do sự nghĩa là nương chỗ khởi Phiền não trong ba Sự gọi là tướng thượng phẩm. “Cứu cánh”, là chỗ hại Cứu cánh của tối sơ Thánh đạo.

Trong bảy Điên đảo, Tướng đảo là đối với chỗ khởi vọng tưởng của bốn Cảnh, tướng số làm Thể. Quyển 53 ghi: “Các ngu phu không có chỗ hiểu biết, tùy theo Vô minh mà khởi Tác ý phi lý, đối với Cảnh sở duyên Vô thường... khởi chấp là Thường... nắm lấy tướng mà chuyển, gọi đó là Tướng điên đảo, cho nên lấy Tướng làm Thể.

Kiến đảo, là lấy vọng tưởng trong Cảnh, nhận những thứ có thể dục lạc, kiến lập chấp trước, một phần ít của ba Kiến làm Tánh, là Thân kiến, Thường kiến, Kiến giới thủ, như văn tự nói.

Tâm đảo, tức là để trừ các Kiến trước, Phiền não tham... chỗ khác làm Tánh, có thể nhiễm não tâm cho nên gọi là Tâm đảo. Tâm điên đảo này tức là những phiền não như Tham... trong sở chấp trước kia. Có thuyết cho rằng Thể của Tâm đảo chỉ là Tham, bởi vì Tâm nhiễm thù thắng. Nói “Tham v.v...”, nghĩa là đồng lấy tất cả Tham, không phải là ngoài Tham và Sân... khác. Quyển 53 ghi: “Tướng này điên đảo, các hàng tại gia có thể phát một phần Tâm đảo, các hàng xuất gia có thể phát Kiến đảo”. Thể của Tướng không phải Đảo, do vọng chấp Tướng lấy làm tổng môn, tại gia và xuất gia nương vào đó mới khởi Tâm đảo và Kiến đảo, cho nên cùng với tên Đảo mà luận giải Căn bản, Tự thể và Đăng lưu hợp chung để giải thích Thể của Kiến đảo và Tâm đảo. Thể của Tướng không phải Đảo cho nên không giải thích lại. Câu-xá luận ghi: “Tự thể của bốn Điên đảo là từ nơi ba Kiến, vì chỉ có Đảo tăng thêm, Tướng và Tâm tùy theo lực của Kiến”. Luận kia nói Thường kiến làm Thường đảo, chấp tịnh chấp lạc, đều là Kiến thủ. Có Thân kiến làm Ngã đảo, phải đủ ba nhân thù thắng mới thành:

1. Thuần là Đảo, lựa riêng với Giới cấm thủ, duyên với chút ít tịnh.

2. Tánh suy lường, lựa riêng với Phi kiến giới.

3. Vọng tăng ích, lựa riêng với Đoạn kiến.

Tà kiến không phải Vọng tăng ích, vì Vô môn chuyển. Các Thọ... còn lại, không phải là Cực thành của thế gian, thế gian chỉ nói Tướng đảo, Tâm đảo và Kiến đảo, không nói Tham... cho nên những thứ còn lại không phải Đảo. Hiện tại luận này không phải như vậy, một là Đảo y, hai là Đảo thể. Tướng của Sở y thù thắng, Thọ... không phải Đảo, vì hiển Kiến tăng ích của hàng xuất gia gọi là Đảo, đoạn tà không phải Đảo. Các hàng tại gia phiền não loạn tâm, hoặc phần nhiều do Tham, khó có thể giải thoát. Nói tất cả Hoặc bởi vì Tham là Đảo. Trong Thể của Đảo chỉ chia ra Tâm và Kiến. Hiển Dương luận ghi: “Do bốn nhân duyên khởi đối với bốn Diên đảo, cho nên các Phi đảo khác trong đây Tâm đảo duyên chung với bốn Tham. “Văn sau chỉ nói Tham thông với hai thứ, không nói Thường ngã cũng khởi Tham”, là từ thù thắng mà nói, Ngã đồng thời với Thường kiến cũng có Tham, các văn đều nói đối với bốn cảnh Tham gọi là Tâm đảo, thế gian phần nhiều khởi thiên lệch đối với lạc tịnh, không phải thật chỉ có hai thứ, nếu không như thế thì tại sao nói ngay nơi bốn Đảo trước? “Trong chỗ chấp của Kiến thì Tham... làm tánh. Kiến thủ là đối với Bất tịnh và Tịnh mà Đảo, Giới thủ thì đối với Khổ lạc mà Đảo”, tùy chỗ thích đáng của nó mà duyên Kiến duyên Giới và pháp tương ứng làm Thù thắng và Năng tịnh, cho nên đó là hai Thủ. Nếu không như thế thì liền thành chỗ nhiếp của Tà kiến. Ba thứ Tướng, Tâm, Kiến đều thông với bốn thứ, bốn thứ không có Thể riêng. Vả lại trong bốn Kiến đảo, Thường ngã thông với Kiến đạo và Tu đạo, giữa hai thứ Kiến và Tu chỉ có Kiến đoạn. Hai thứ Tướng đảo và Tâm đảo, tùy chỗ thích ứng mà thông cả hai, như chỗ thích ứng của nó mà quán tự tướng dẫn thành gốc Đăng lưu. Rộng như Đối Pháp luận quyển 2 và quyển 10 sơ thích.

- Phiền não sai biệt có hai phần:

1. Giải thích tên gọi.

2. Nêu Thể.

- Trong phần thứ nhất có ba phần:

1. Nêu.

2. Giải thích riêng hai mươi sáu môn.

3. Tổng kết.

“Chỗ tùy đeo đuổi của Tăng thượng Chứng tử gọi là Tùy miên”, chẳng những vốn sẵn có, hoặc vi tế tùy theo tăng trưởng, cũng là chỗ tùy đeo đuổi của Chứng tử thù thắng, cũng tức là bảy loại Tùy miên cùng

với các Chủng tử khác làm nhân, cho nên gọi là Chủng tử. “Thường đuổi theo hành giả có bảy Chủng tử, gọi là Tùy miên; Tà hạnh phương tiện gọi là Ách”, như cái ách trên chiếc xe của thế gian, làm phương tiện của xe để kéo xe đi. Tà hạnh phương tiện này cũng vậy, ba nghiệp Tà hạnh như Thế của chiếc xe, lấy bốn Ách có thể kéo xe làm phương tiện, ách xe tạo ác thì không vượt qua đường tà, có thể dẫn cho ác sinh, cho nên gọi là Tà hạnh phương tiện. “Che lấp nghĩa chân thật gọi là Cái”, nếu y theo trật tự giải thích của Đối Pháp luận quyển 2 là che lấp tâm, thì đây là nói do năm Cái này mà không chứng thật nghĩa, cũng không có trái nghịch. “Vì tướng không định tĩnh cho nên xa chỗ tùy thuận, do đó gọi là Tiển (mũi tên)”, hằng dao động không yên gọi là tướng không định tĩnh; tùy ở nơi xa mà làm hành giả tổn thương, gọi là Viễn sở tùy, mượn thí dụ gọi là Tiển. “Vì có thể nhiếp y theo sự cho nên gọi là Sở hữu”, như Đối Pháp luận ghi: “Do tích tập nhiều chỗ có tài sản vật dụng, hằng cùng chung tương ứng với kinh sợ và oán ghét”. Luận đó nói có ngoại sự, luận này thì nói nương vào Sự năng nhiếp, có thân Sở y bên trong và ngoại sự tài sản vật dụng, nghĩa rộng sai biệt cũng không trái nhau. Những điều này là giải thích tên, như Đối Pháp luận quyển 7 và quyển 98, hoặc có chỗ bất đồng, sợ văn dài cho nên không nói, người đọc phải biết.

“Chỉ có bảy loại gọi là Tùy miên”, Căn bản nói có bảy loại, tùy theo tăng trưởng mà nghĩa thù thắng, quyển 89 nói Chủng tử của Phiền não đều gọi là Tùy miên, do ba phẩm khác nhau, cho nên chỉ lập có bảy thứ, do chưa lìa Dục mà lập Dục tham, do đồng phẩm mà lập năm phẩm khác, lấy đây tổng nhiếp tất cả phiền não. “Chỉ có ba loại”, là căn cứ theo thuyết thù thắng, Đối Pháp luận ghi: “Tất cả phiền não đều gọi là Tùy phiền não, có Tùy phiền não mà không phải Phiền não, vì Tùy phiền não sinh thì nghĩa đó thông”.

“Triền có tám loại”, quyển 89 ghi: “Tất cả phiền não do Hiện hành, đều gọi là Triền, chỉ có tám loại, trong bốn thời niệm niệm hiện hành, cho nên kiến lập riêng”. Đối Pháp luận ghi: “Chướng của Hôn trầm và Thủy miên dừng vì dẫn đến sự lắng chìm. Chướng của Trạo cử và Hối nổi lên vì bên ngoài dẫn sinh tán loạn; chướng của Tật và Xan xả, vì tự lợi và tha lợi trong Xan đố môn, niệm niệm động tâm. Vô tầm và Vô quý chướng tịnh Thi-la, vì phạm các Học xứ không sinh hổ thẹn”, lại càng không lập các pháp Phẫn, Phú... khác. Quyển 89 ghi: “Chướng giới định tuệ mà sinh Xan tham và Tật đố”.

- Trong Bộc lưu có bốn thứ:

1. Dục bực lưu, là lấy cội Dục trừ chỗ khởi Kiến và Câu vô minh của ngoại đạo, tất cả phiền não khác làm tánh.

2. Hữu bực lưu, là lấy cội Sắc và cội Vô sắc trừ chỗ khởi Kiến và Câu vô minh của ngoại đạo, chỗ tất cả phiền não khác làm Tánh.

3. Kiến Bực lưu, là lấy ba cội chỗ khởi Kiến của ngoại đạo làm tánh.

4. Vô minh bực lưu, là lấy vô minh tương ứng trong kiến sở khởi của ngoại đạo thuộc ba cội làm tánh.

Đối Pháp luận ghi: “Một là Tập dục cầu, hai là Tập hữu cầu, hai loại sau là Tà phạm hạnh cầu”, vì Năng y và Sở y tương ứng với đạo lý. Quyển 89 ghi: “Đồng với bốn Ách cũng vậy, thể tánh không khác”. Cũng quyển 89 ghi: “Thượng phẩm phiền não gọi là Bực lưu... Phân hành phiền não gọi là Ách, đó là hai sai biệt.

“Bốn Thủ”, cuối quyển 10, lấy Tham Năng thủ của bốn Thủ mà làm tự tánh. Đối Pháp luận ghi: “Thủ thứ nhất tức là Tham, ba Thủ sau cũng như tên của nó”, là lấy hai Thủ và Ngã kiến mà làm tự tánh, hoặc Thể của bốn Thủ kia cũng chỉ có Tham. Đối Pháp kia ghi: “Do Tham trước Kiến, trói buộc đam nhiễm làm nhân”. “Các hàng xuất gia”, đây là điều tranh cãi nhau, quyển 89 ghi: “Y theo hai phẩm mà lập hai Thủ: 1. Tại gia lập Dục thủ. 2. Xuất gia ngoại đạo... lập ba Thủ khác, hoặc Sở thủ, hoặc Năng thủ, hoặc Sở làm Thủ, như vậy tất cả tổng nói là Thủ”. Bốn Thủ làm Sở thủ, Thủ lấy bốn Tham này gọi là Năng thủ, để chứng đắc các Dục và thọ dụng mà khởi Thủ thứ nhất; vì tham lợi dưỡng cung kính để chất vấn người khác, khởi bị người khác vấn nạn cho nên khởi Thủ thứ hai; thủ lấy các thiền định làm chỗ y chỉ mà khởi Thủ thứ ba; vì muốn phân biệt người tạo quả, thọ quả và để tùy nói tướng sĩ phu hoàn diệt lưu chuyển, cho nên khởi Ngã ngữ thủ. Như vậy hợp chung gọi là Sở làm Thủ; Thân phòng hộ, Ngữ phòng hộ gọi là Giới; hình mạo, ẩm thực, uy nghi, hành tướng, gọi là Cấm để cho nên Trụ, do đó luận nói có Ngã gọi là Ngã ngữ, rộng như luận kia giải thích. Thủ thứ nhất chỉ trói buộc trong cội Dục, ba Thủ sau thì thông với hai cội còn lại.

“Bốn Hệ”, quyển 89 ghi: “Chỉ dựa vào sai biệt của ngoại đạo mà kiến lập”. Đối Pháp luận ghi: “Có thể làm bốn thứ nhân của tâm loạn, có thể chương định thân cho nên không lập các Thủ khác, do Tham cho nên Ái tài làm nhân; do Sân cho nên đối với sự đấu tranh không chánh hạnh làm nhân; do Giới cấm thủ cho nên đối với giới cấm khổ não khó hành làm nhân; do Kiến thủ cho nên không như chánh lý suy lường cảnh giới làm nhân. Đây là do Kiến thủ, nương vào mỗi biệt Kiến đối với

Cảnh sở tri mà khởi tà cấu tư duy, vọng sinh chấp trước, cho rằng chỉ có đây là thật, ngoài ra đều là hư vọng, cho nên gọi thật này là trời buộc thân”. Do bốn nhân này khiến cho tâm tán loạn, có thể chướng bản thân của định tâm tự tánh, cho nên gọi là Thân hệ, không phải chướng sắc thân, hai loại đầu chỉ có cõi Dục, hai loại sau thì thông hoặc đồng thời với cõi Dục, vì bất thiện tăng trưởng.

“Năm Cái”, quyển 89 ghi: “Trái nghịch với năm Xứ mà lập năm Cái này:

1. Cương vị tại gia, Dục cảnh phiêu trầm trái với Thánh giáo, cho nên lập Tham dục cái.
2. Vì không kham nghe pháp dạy răn, cho nên trái nghịch với Thắng pháp, cho nên lập Sân khuể cái.
3. Trái với Xa-ma-tha, cho nên lập Hôn miên cái.
4. Trái với Tỳ-bát-xá-na, cho nên lập Trạo hối cái.
5. Trái nghịch với Tuệ thắng giải thánh giáo luận nghị quyết trạch, cho nên lập Nghi cái.

Đối Pháp luận cũng ghi: “Chướng có năm vị, là Nhạo xuất gia vị, Giác tà hạnh vị, Chỉ cử xả vị... rộng như luận đó nói.

Ba Bất thiện căn, Duy Thức ghi: “Đủ hai nghĩa: một là tánh Căn bản phiền não, hai là có khắp trong sáu thức”. Các pháp còn lại không phải bất thiện căn, vì sinh ác là thù thắng, cho nên chỉ ở tại ba bất thiện căn này.

Ba Lậu, Đối Pháp luận ghi: “Nướng vào ngoại môn mà rỉ chảy, cho nên lập Dục lậu; nướng vào nội môn mà rỉ chảy, cho nên lập Hữu lậu; nướng vào hai Sở y môn mà rỉ chảy, cho nên lập Vô minh lậu”. Ý của luận đó là hiển tất cả Phiền não của cõi Dục, trừ Vô minh gọi là Dục lậu, tất cả phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ Vô minh gọi là Hữu lậu; Vô minh của ba cõi gọi là Vô minh lậu. Nhưng bốn Đế của cõi Dục mỗi mỗi đều có mười phiền não, Tu đoạn có sáu phiền não; năm môn của cõi Sắc và cõi Vô sắc đều trừ Sân, tùy chỗ thích ứng của nó, gồm các Tùy hoặc làm Thử của Lậu kia. Số chủng loại của năm môn không đồng với Tiểu thừa. Quyển 64 ghi: “Tất cả phiền não của cõi Dục, trừ vọng kiến của các ngoại đạo để nướng chỗ sinh Vô minh, còn lại gọi là Dục lậu; tất cả phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ vọng kiến của các ngoại đạo để nướng chỗ sinh Vô minh, còn lại gọi là Hữu lậu; vọng kiến của ngoại đạo trong ba cõi để nướng chỗ sinh Vô minh, gọi là Tà giải thoát dục Vô minh lậu”. Quyển 89 nói, văn tuy khác chút ít, nhưng cùng với Đối Pháp thì đồng, ý của Đối Pháp luận nói, tất cả

Vô minh gọi là Vô minh lậu, vì chỉ riêng một mình nó khởi tương ứng thù thắng nhiều hơn, ngoài ra có thể nương vào Hoặc mà lập hai Lậu khác, vì trên dưới khác nhau. Quyển 64 ghi: “Phân biệt chỗ khởi Vọng kiến để nương chỗ sinh Vô minh, gọi là Tà giải thoát dục Vô minh lậu, còn lại thì lập hai Lậu khác, không nói tất cả Si làm Vô minh lậu, cần cứ theo nghĩa mỗi mỗi riêng khác, nhưng cũng không trái nhau.

“Câu ngại” cũng có ba, là tham sân si. Do ba thứ này mà khởi lên năm Câu ngại, cùng với Đối Pháp đồng, nương vào năm Cảnh này mà sinh ba thứ tham sân si, câu ngại nơi tâm, cho nên Đối Pháp luận gọi là Tâm câu ngại. Chỗ nói phiền não môn từ trên đến đây, Đối Pháp, Hiển Dương và văn sau của Du-già đều có giải thích rộng đầy đủ, sợ dài dòng nên nêu sơ lược, y theo chỗ dẫn ở trước nên xét tìm.

Trong nghiệp tạp nhiễm, trước hết là hỏi, kế đó là đáp. Trong đáp có hai phần:

1. Trình bày chín môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Trong Tự tánh, “nếu khi pháp sinh thì tướng tạo tác khởi...”, điều này có ba giải thích:

1. Tướng tạo tác, là chỉ cho nghiệp Gia hạnh. “Thân hạnh và Ngũ hạnh đối với nghiệp kia sau khi tạo tác mới chuyển”, tức là nghiệp đạo Căn bản. Nghiệp thứ nhất thông với ba nghiệp, hoặc chỉ có Ý nghiệp, nghiệp thứ hai lại căn cứ theo nghiệp thô trọng, cho nên chỉ có thân và ngữ.

2. Tướng tạo tác là Biểu nghiệp. Do Biểu nghiệp kia sinh, cho đến tạo tác mà chuyển, là Vô biểu nghiệp. Nghiệp thứ nhất thông với ba nghiệp, quyển 53 ghi: “Ba nghiệp thân ngữ ý, đều có Biểu”. Nghiệp thứ hai là Vô biểu nghiệp, trong đây có nói: “Chỉ có thân nghiệp và ngữ nghiệp có Vô biểu nghiệp”, cho nên luận này ghi: “Chỉ do Biểu nghiệp kia sinh”. Thân hạnh và Ngũ hạnh đối với Biểu nghiệp kia sau khi tạo tác mà chuyển, thì Ý nghiệp nhỏ nhẹ, cũng không phải Sắc pháp, không phát Vô biểu nghiệp. Có người nói ba nghiệp đều có Vô biểu nghiệp. Quyển 53 ghi: “Mười thiện nghiệp đạo là chỗ nhiếp của trăm hạnh, đều gọi là luật nghi, cho nên trong ba Phật nghiệp thì Ý Phật là nặng. Ý có ba nghiệp đạo, nặng hơn bảy nghiệp trước, cũng có Vô biểu, đối với lý nào có trái nghịch gì! Ý nghiệp không có biểu lộ, vì tùy theo nghiệp đạo cho nên chỉ có ba chi, đây là dựa vào ba nghiệp thông với Hữu biểu và Vô biểu, mà chỉ nói thân và ngữ, không phải ngăn trách Ý vô biểu.

3. Tướng tạo tác khởi, là phát thân, ngữ và tư. “Do Biểu nghiệp

sinh cho nên bình đẳng”, tức là thân nghiệp và ngữ nghiệp, phát khởi chỗ sinh của thân ngữ tư, thẩm sát quyết định Tư và Ý tương ứng, tác động Ý, cho nên gọi là Ý nghiệp; phát động Tư thù thắng, phát thân ngữ, cho nên gọi là thân nghiệp và ngữ nghiệp. Hoặc chỉ riêng hiện hành Tư, cũng gọi là Ý nghiệp, hợp chung mười thứ gọi là nghiệp đạo. Trong năm Cảnh, “Sắc và Thanh xứng với nghiệp, cả ba là Phi nghiệp”, là vì không có biểu thị. “Năm căn như Nhân... không lập làm nghiệp”. Thành Nghiệp luận ghi: “Vì có tác dụng nghiệp, không có Gia hạnh nghiệp”. Thành Duy Thức và Thành Nghiệp luận đều ghi: “Có ba thứ Tư, mười thứ nghiệp đạo, đều lấy Tư làm tánh”. Giải thích Thân nghiệp, Ngữ nghiệp, Ý nghiệp, Biểu và Vô biểu, gọi là Tư nghiệp. Tư đã là nghiệp, thì nghiệp định và tán không có biểu lộ đại chủng tạo tác... khi đến thời tiết phát nghiệp thì lớn nhỏ không đồng, đều như Sớ kia và Biệt chương giải thích, cuối quyển 59 và quyển 60, sẽ rộng phân biệt. Biểu nghiệp của Thân và Ngữ lấy tướng biểu lộ để thấy. Biểu nghiệp của Ý, là Tự chứng phần và Chứng tự chứng phần của Kiến, mỗi mỗi lẫn nhau tự biểu hiện. Như lý nên tư duy.

Trong nghiệp Phân biệt có ba đoạn:

1. Nêu hai Nhị chủng.
2. Hiện riêng sai biệt của hai Nhị chủng.
3. Kết thành ba nghiệp.

Trong đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai, Bồ-đặc-già-la tức là Cụ nghiệp. Lại nữa, pháp Sai Biệt tức là nghiệp tướng kia rộng giải thích trong đoạn thứ hai: 1. Bồ-đặc-già-la. 2. Pháp. Trong phần thứ nhất lại có hai thứ: a. Bất thiện nghiệp đạo có mười Bồ-đặc-già-la. b. Thiện nghiệp đạo.

Sát sinh có ba đoạn:

1. Tổng chỉ các kinh.
2. Phân riêng đoạn văn giải thích.
3. Kết lược nghĩa.

Giải thích riêng đoạn văn kinh có chín câu, trừ câu tổng ra:

1. Sát sinh thành nghiệp đạo cứu cánh, chỗ sát là mạng đoạn rồi mới thành sát.

2. Không phải ngay lúc chết có đồng thời chết, chết trước và tự sát, vì không phải nghiệp đạo. Nếu không như thế thì đáng lẽ đều thành nghiệp đạo.

3. Hại, Cực hại và Chấp, tiếp theo có ba câu riêng giải thích ba câu này. Vì đoạn mạng kia cho nên gọi là Hại.

4. Cắt đứt tay chân cho nên gọi là Cực hại.

5. Mưu kế nuôi mạng cho nên gọi là Chấp.

6. Mưu chấp sát sinh mà nuôi mạng cho nên có xuất gia ngoại đạo, gọi là người không hổ thẹn, tức là Ni-kiền-tử kế chấp, tùy chỗ trụ xứ chỗ có chúng sinh nội trong một trăm do-tuần, đối với chúng sinh kia tạo tác bất sát thì thành luật nghi, tạo tác sát thì thành bất luật nghi, ngoài một trăm do-tuần thì các luật nghi kia không thành. Trong kinh để đối trị thuyết này mà nói như vậy: “Tất cả chỗ của hữu tình không phải chỉ có một trăm do-tuần, mà ngoại đạo kia lại nói như vậy”. Ngoại đạo kia cho rằng cỏ cây đều có mạng, nếu sát thì thành nghiệp đạo, Phật vì đối trị thuyết này, cho nên nói như vậy: “Chỗ chân thật của chúng sinh, sát cây cối không phải nghiệp đạo”. Đây là hiển thị chân thật phước đức xa lìa đối trị đạo, câu này có ý hiển thị do sát hữu tình là tánh tội, cũng lấy tánh giới chân thật phước đức để xa lìa đối trị, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Sự sát sinh, là niệm của hữu tình”, đây là câu nói trước “Chỗ của tất cả hữu tình, sát cây cỏ...”, là giá tội, cũng để giá giới, phước đức không thật, vì xa lìa đối trị, đây là câu nói sau “chỗ chân thật của chúng sinh”.

7. Lại nữa, giải thích không cần nương vào tánh mà giải thích giá giới, đây là hiển thị chỗ nói trên “hai thứ đối trị của ngoại đạo không có trói buộc”.

8. Nếu không sát tất cả hữu tình, thì làm sao chỉ có nội trong một trăm do-tuần là chân thật đối trị!

9. Hoặc không sát cây cỏ, vì là Phi tình cho nên không chân thật đối trị. Hiển hai thứ để đối trị hai kế chấp của ngoại đạo, văn của hai câu này cùng với trước không đồng, là nguyên nhân hiển thị từng đoạn, chỗ nói các câu như vậy là để hiển thị Gia hạnh.

“Sát hại, là rất hung ác” trở xuống bảy câu, do khởi tâm hung ác mà tăng thêm sức khuyến khích dũng mãnh làm việc sát sinh, cho nên gọi như vậy là Gia hạnh sát hại, không phải là Gia hạnh nghiệp đạo. “Cho đến cực thấp lượm lặt nhiều con kiến”, câu này có hai nghĩa: một là trứng kiến, hai là bẻ gãy chân kiến, cho nên còn mang âm tiếng Phạm.

Trong giải thích riêng chín câu, bảy câu đầu gọi là Gia hạnh sát hại, vì cố sức sát hại. Một câu tiếp theo gọi là Vô trạch sát hại, vì phùng sinh tức là sát, không giải thích riêng. Một câu sau cùng gọi là Sát sinh thời, là từ khi mới đoạn mệnh, chưa gặp duyên lành để thọ trì giới... thường làm thành tội sát sinh nghiệp đạo.

Trong Kết lược nghĩa có ba loại, thứ nhất là nhiếp chín làm bốn, thứ hai là nhiếp làm ba, thứ ba là nhiếp làm một.

- Thứ nhất, trong nhiếp chín làm bốn là:

1. Tướng mạo sát sinh, là câu thứ hai trước, máu nhuộm đầy tay.
2. Tác dụng, tức là ba câu Hại, Cực hại, Chấp.
3. Nhân duyên, tức là câu thứ nhất.
4. Tâm cực bạo ác sát hại đang hiện tiền.

- Sự dụng sai biệt là sáu câu sau:

1. Không hổ thẹn.
2. Không thương xót.
3. Chỗ của tất cả hữu tình.
4. Chỗ của chân thật chúng sinh.
5. Cho đến cực thấp lượm lặt nhiều kiến... chỗ của chư chúng sinh.
6. Đối với chỗ sát sinh hoặc chưa xa lìa.

Lại nữa, tướng mạo trong nhiếp chín làm bốn tức là câu thứ nhất; tác dụng tức là câu thứ hai, thứ ba; nhân duyên tức là câu thứ tư, thứ năm; sự dụng sai biệt tức là bốn câu còn lại.

- Thứ hai, trong nhiếp chín làm ba là:

1. Sát sinh như thật, tức là câu thứ nhất.
2. Sát sinh sai biệt, tức là bảy câu kế tiếp.
3. Sát chỗ sát sinh gọi là sát sinh, tức là câu thứ chín.

“Người chưa thọ giới... đã khởi thiện đến nay lại hành sát sinh, thường gọi là người sát sinh”, nghĩa là sau khi thọ giới thì không được tên sát sinh kia.

- Thứ ba, trong nhiếp chín làm một, là hợp chung lại gọi là sát sinh Bồ-đặc-già-la.

Trong “không cho mà lấy” cũng có ba đoạn:

1. Nêu câu tổng.
2. Giải thích riêng mười bốn câu.
3. Lược nghĩa kết thành.

- Giải thích riêng mười bốn câu gồm:

1. Hoặc tích tập hoặc di chuyển, là như lúa mè... các vật gọi là tích tập, hữu tình gọi là di chuyển.
2. Hoặc không lìa xứ gọi là tích tập.
3. Cử động lìa bản xứ gọi là di chuyển.
4. Đối với xứ nhân tñh nếu sinh, thì lúa mè... không lìa bản xứ, che đậy khiến cho sinh.

5. Tập chuyển như trước.
6. Nếu vật chủ kia không phải là chỗ ban cho trước như người trả nợ pháp.
7. Như trả nợ pháp gọi là không cho.
8. Không phải chỗ ban cho ở trước.
9. Tương tự như trả nợ gọi là không cho.
10. Nếu tùy chỗ muốn thọ dụng của người trộm cắp mà vứt bỏ, gọi là vứt bỏ vật dụng thì có thể vô tội.
11. Không tùy chỗ muốn thọ dụng của người trộm cắp mà vứt bỏ, gọi là không bỏ mà lấy.
12. Văn thế đọc dài nghĩa đạo liền xa.
13. Thao thiết, người tham tài là Thao, tham ăn là Thiết, là tuy hơn người khác nhưng hay gây tội lỗi.
14. Cấu sở nhiễm, là tuy cạnh tranh mà được tài sản, tài sản đó đã không phải vật của mình, mà do giành lấy thì gọi là lấy một cách bất tịnh.

- Trong Lược nghĩa kết mười bốn câu có ba đoạn:

1. Trộm cắp, đây là thành không cho mà lấy, tức là câu thứ nhất, đối với vật sở hữu của người khác.
2. “Nếu tại xứ đó, như sự sai biệt đó mà như thật trộm cướp”, là mười một câu kệ.
3. “Do cướp trộm mà bị lỗi này”, tức là hai câu mười ba và mười bốn.

Lại nữa, giải thích làm năm kết:

1. Trộm cắp, đây là kết câu thứ năm câu thứ sáu.
2. Nếu tại xứ đó, là kết bốn câu đầu.
3. Như sự sai biệt đó, là kết câu thứ tám trở xuống cho đến câu thứ mười ba.
4. Như thật trộm cướp, là kết câu thứ bảy.
5. Trộm cướp cho nên bị lỗi này, là kết câu thứ mười bốn. Tuy có giải thích chợt khó hiểu, nhưng nghiên cứu nghĩa, suy văn thì cũng có thể hiểu rõ.

“Thành nghiệp đạo cứu cánh không cho mà lấy”, là phải đối với bản xứ, hoặc sinh, hoặc tập, hoặc di chuyển, nếu không như thế thì liền thành không cho mà lấy Gia hạnh, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Cứu cánh là lấy làm tự mình có”.

Trong Dục tà hạnh, văn cũng có ba đoạn:

1. Nêu câu tổng.

2. Giải thích riêng mười một câu.
3. Lược kết.
 - Mười một câu gồm:
 1. Chỗ thủ hộ đối với cha mẹ...
 2. Tự thủ hộ.
 3. Có trị phạt.
 4. Danh chướng ngại. Bốn loại này đều chưa thích hợp với người khác, luận tóm lược lại làm ba loại thủ hộ.
 5. Thê thiếp của người khác.
 6. Chỗ nhiếp của người khác.
 7. Hoặc do hung hăng đối trá.
 8. Hoặc do sức cưỡng ép.
 9. Hoặc do ẩn nấp.
 10. Hành Dục hạnh.
 11. Đối với sự này là Dục tâm phi lý mà hành Tà hạnh.

“Thành tà dục nghiệp đạo cứu cánh”, là thành sự giao hội. Đây là không phải thê thiếp của mình mà trở thành nghiệp đạo. “Phi đạo”, câu này có ba nghĩa:

1. Không phải đường để đi, là chi phần... không phải cửa sinh sản (sản môn)
2. Không phải đạo số, vượt quá năm Lượng.
3. Phi đạo lý, là thêm Thường pháp, tất cả người nam và bất nam, cho nên quyển 59 ghi: “Phi giao, Phi lượng, Phi lý, Nam và Bất nam không xứng lý”.

Phi xứ, là đặt xứ của Phật pháp Tăng, giường nằm của cha mẹ trải trên đất, chỗ không bằng phẳng, trong Tăng-già-lam. Phi thời nghĩa là có bệnh, mang thai, cho con bú. Ba sáng sáu tối, rộng như quyển 59 kia tự giải thích. Chỗ nói của những câu này, chỗ thê thiếp của tự mình cũng thành nghiệp đạo, là coi trọng về Ý lạc.

Trong lược nghĩa có ba đoạn:

1. Hoặc Sở hành của người kia, là nhiếp sáu câu trước, vì tuy chỗ làm cũng thành tội.
2. Hoặc Hành sai biệt, là nhiếp ba câu kế tiếp, vì phi lý mà hành.
3. Hoặc Dục tà hạnh, là nhiếp hai câu cuối, vì thành nghiệp đạo.

Hoặc trong câu riêng biệt hợp thành mười câu, bốn câu đầu hợp thành ba câu Thủ hộ, bảy câu sau thì như trước. Vọng ngữ cũng có ba đoạn, phải biết cũng như trước. Câu riêng biệt có mười câu. Hoặc Sư

kia, là người chạy việc, vì để vua sai khiến; hoặc là quan thuộc chấp hành trông coi lý pháp, hoặc biết bình quân nghị sự trái lý mà lập làm người giải quyết mọi việc, gọi là người chạy việc. “Nếu đã biết, là tùy theo ba câu trước, chỗ ngữ ngôn trái qua”, là tùy theo ba thứ Văn giác tri, chỗ ngữ ngôn trái qua mà hành vọng ngữ. Kiến trở xuống tự nói riêng, cho nên cả ba thứ (Văn giác tri) cũng vậy, hợp chung những thứ này gọi là Tri, không phải là Tri trong bốn thứ (Kiến văn giác tri), vì Tri kia thì bị câu thúc, Tri này thì rộng. Vọng ngữ nghiệp đạo cứu cánh, như Đối Pháp luận ghi: “Đại chúng thời đó và người đối nhau nói chuyện hiểu rõ”.

- Trong lược nghĩa có bốn đoạn:

1. Y xứ, là kết năm câu đầu.
2. Dị thuyết, là kết hai câu kế.
3. Nhân duyên, là kết hai câu kế nữa, nhờ vào tự, nhờ vào tha.
4. Hoại tướng, là kết một câu cuối.

Trong Ly gián ngữ cũng có ba đoạn, câu riêng biệt có bảy câu, câu thứ ba là Hỷ biệt ly. Câu thứ tư là Vọng biệt ly, hai câu này tuy Hỷ sinh, chưa sinh phiền não. Câu thứ năm đối với câu thứ ba. Câu thứ sáu đối với câu thứ tư, hai câu này mới là phiền não sinh. Câu thứ bảy nói “Năng ly gián ngữ”, hoặc là không nghe; hoặc “Tha phương tiện”, là khi nói năng, người khác khiến cho không nghe; hoặc người khác tuy nghe, nhưng vì phương tiện mà không thọ lãnh lời nói ly gián đó. Đây là giải thích trong kinh nói Ly gián ngữ, không phải chánh giải thích nghiệp đạo. Đối Pháp luận ghi: “Cứu cánh này là chỗ phá sự lãnh hội”. Phương tiện trong đây là người khác lãnh hội, có thể là nghiệp đạo. “Người khác không nghe”, chỉ là nghiệp đạo Gia hạnh, đây là nhân theo giải thích chung với kinh cũng không có lỗi. “Hoặc tha phương tiện”, là khiến cho người khác nói Ly gián phương tiện ngữ, họ chưa hiểu rõ và họ không nghe. Hai câu này đều là nghiệp đạo Gia hạnh, nhân theo giải thích văn kinh, cũng không phải chánh giải thích nghiệp đạo, hoặc có nghĩa ngôn, chỉ nói Ly gián ngôn. Hoặc người không nghe và người đã nghe rồi mà phương tiện không lãnh thọ, đều là nghiệp đạo. Điều này trái với Quyết Trạch. Quyển 60 ghi: “Cứu cánh này là chỗ phá lãnh hội”, cho nên trước nói là “Thiện”.

- Trong phần kết có năm câu:

1. Ly gián ý lạc kết câu thứ nhất.
2. Phương tiện chưa hoại kết câu thứ hai.
3. Phương tiện đã hoại kết câu thứ ba, thứ tư.

4. Tâm ô nhiễm kết câu thứ năm, thứ sáu.

5. Tha phương tiện kết câu thứ bảy.

Trong đây có nói “tâm chợt hiện”... là Tâm thứ nhất trong năm tâm, thì liền thành nghiệp đạo, vì người khác lãnh hội. Nếu y theo nghĩa này thì nghiệp đạo có chung tánh của Vô ký, nói sự chưa chu toàn thì người không lãnh hội, cho nên biết là tâm sau nhiễm ô.

Trong Thô ác ngữ, “đầu tiên”, là chỗ thuyết pháp, nói tiến đến Niết-bàn là thứ nhất, do lời nói này lấy làm trước tiên, sẽ tiến đến Niết-bàn, vì tương tục cho nên gọi là Vô tận, vì rộng lớn cho nên gọi là Vô biên, tức Niết-bàn này là sau cùng. “Lại nữa, có ba loại...”, là trong ba loại trước. Trong tối hậu thuyết pháp ngữ, trong mười hai câu trước, nhiếp đầu tiên, hay đẹp... tám câu, tức là trong các kinh, nói Phật thuyết pháp có tám Ngữ cụ. Do Trì giới ngữ, khiến cho người khác hoan hỷ có đủ tám Ngữ cụ. Trong tám Ngữ này lại phân ra làm ba, đây là các câu riêng hợp chung lại mười chín câu, mười hai câu đầu hợp thành ba loại, bốn câu kế đó nói Hữu vi hạnh ba đời, ba câu cuối nhiếp lại các Ngữ trước. Do phân rõ các câu đều có kết thiên một bên, cho nên không có lược nghĩa.

Trong Ý ngữ có mười hai câu, năm câu đầu gọi là Tà cử tội ngữ, tức là người cử tội trong luật, chỗ có đầy đủ năm Đức, sáu câu kế đó gọi là Tà thuyết pháp ngữ, một câu cuối cùng gọi là Phóng dật ngữ, cho nên lược kết nói là ba thời Ý ngữ. “Thô ác ngữ trước và Ý ngữ cứu cánh sau”, là phát các Ngữ kia.

Hoặc có vấn nạn rằng: “Vọng ngữ là đối láo với người khác, người khác hiểu thì thành nghiệp đạo; Ly gián ngữ là phá hoại người khác, người khác hoại thì liền thành nghiệp đạo”?

Đáp: Vọng ngữ vốn là đối láo với người khác, tin và không tin, hiểu thì đều là nghiệp đạo. Ly gián ngữ vốn là ngăn cách người khác, hiểu thì đều là nghiệp đạo.

Trong Tham dục, “ngay hai thứ này tổng gọi là Vật”, là tài vật và dụng cụ. “Cứu cánh (rốt ráo) này”, là vật sở hữu của người khác, tất cả vật sở hữu nhất định sẽ thuộc về ta, mà sinh tham ái nặng, không phải quyết định thuộc về tâm, nhẹ không phải là nghiệp đạo.

Trong phần lược nghĩa, tự tánh là câu đầu, sở duyên là câu thứ hai, hành tướng là câu cuối cùng.

Trong Sân khuể có năm câu, câu thứ nhất là Tự tánh sân, bốn câu còn lại là Sở duyên sân.

Lược Vô hành tướng, không khởi thì liền dứt, khởi thì nhiều liền

thành nghiệp đạo, cho nên không nói. Phải đối với hữu tình mới thành nghiệp đạo, Phi tình thì nhẹ. “Cứu cánh”, là quyết định sẽ bị hại. Hiện tại lược nghĩa này, căn cứ theo Tham ở trước, Tham trần cứu cánh, trong đây không nói, căn cứ theo trước, phần nhiều thì đồng, dễ hiểu được, giải thích như trước.

Tà kiến có ba đoạn:

1. Câu tổng nêu.
2. Hiện mười bảy câu riêng.
3. Lược kết.

“Là do ba loại Ý lạc, không phải bài bác bố thí”, Ý lạc thì không lấy tài mà hành thí, Ý lạc thì không có các phước điền thanh tịnh ái dưỡng cha mẹ..., Ý lạc thì không có tế Thiên cúng tế, lược nêu ra hai Thiên của loại Hỏa thiên, không có diệu hạnh. “Năng trị trong ác hạnh”, là phước nghiệp sự, là ba thứ Xan tham, Phạm giới và Tán loạn; gọi là Sở đối trừ, vì đã vượt qua các Phiền não riêng. “Tịch tĩnh gọi là Chánh chí”, là Niết-bàn. “Chánh hạnh”, là Đạo đế. Trong nhân Hữu học là chỉ thế gian này; đang khi Vô học quả là chỉ thế gian kia. Sở tác của sức sĩ phu nên gọi là Tự nhiên”, chỉ cho A-la-hán, do sức công đức của sĩ phu mà được quả Vô học quả này, cho nên gọi là Tự nhiên. “Thông tuệ”, là Lưu tận thông thứ sáu. Trên đây là chỗ bác không có pháp của chân A-la-hán, dưới đây là chỗ bác không có Vô học đạo của Kiến đạo và Tu đạo.

Lược nghĩa có hai đoạn, không kết hai câu đầu. “Thứ nhất phỉ báng nhân”, là không có bố thí... và không có diệu hạnh ác hạnh. Phỉ báng quả có thể biết. Trong phỉ báng công dụng có bốn đoạn:

1. Nhiếp thực, là không có cha.
2. Nhậm trì, là không có mẹ.
3. Vãng lai, là không có đời này, đời khác.
4. Cảm sinh nghiệp, là không có hữu tình hóa sinh, tức là thân Trung hữu.

Quyển thứ 7 trước không có hữu tình hóa sinh, chỉ không thể thấy tướng sinh tử, hoặc sinh Vô sắc, hoặc nhập Niết-bàn, thì liền bác không có, gọi là không có Hóa sinh. Luận kia căn cứ theo Sinh hữu, luận này căn cứ theo thân Trung hữu, vì chỗ mong khác nhau cho nên cũng không trái nhau. Nghiệp là có Thức năng chuyển. Pháp trong công dụng, đang sinh Hữu cho nên gọi là Cảm sinh nghiệp, sau A-la-hán đều là thật sự.

Trong Lược nghĩa thứ hai, “lưu chuyển duyên”, là không có đời này đời kia, không có mẹ, không có cha. “Lưu chuyển sĩ phu”, là không

có hữu tình Hóa sinh. Trung hữu sinh, là hợp chung gọi Sĩ phu. Không có A-la-hán... là gọi Đối trị hoàn diệt. Lại nữa, phỉ báng lưu chuyển nên biết, “phỉ báng nhân không báng tự tướng”, là giải thích chữ “lưu chuyển” trong phần kết thứ hai. Không phỉ báng Vô thể gian, cha mẹ, tự thể, chỉ phỉ báng không có nghĩa của Nhân từ đây đến kia. Cha mẹ... có thể nhậm trì nghĩa của Nhân. “Cứu cánh này”, là quyết định phỉ báng.

- Trong mười Thiện nghiệp đạo, Bạch phẩm có hai đoạn:

1. Tổng nêu phần đang thuyết.
2. Hiện riêng hai nghiệp đạo lìa tà dục, lìa vọng ngữ.

Vì đem hết mạng mà hành cho nên đã hành lâu xa Thanh văn giới và Bồ-tát giới. Phải biết lược nghĩa ngay trong đây, là trong ba thứ Thanh tịnh.

Trong vọng ngữ, “xứng đáng kiến lập là trong các sự tranh cãi trái nghịch kia, xứng đáng kiến lập làm chánh chứng”, là không có thiên lệch sâu xa đáng tin, xứng đáng kiến lập làm người chứng lý.

Trong ba Nhiếp thọ:

1. Dục giải, tức là đáng tin, đáng uỷ thác ở trước, vì Ý lạc quyết định.
2. Bảo nhậm, tức là xứng đáng kiến lập, đáng uỷ thác tin tưởng.
3. Tác dụng, tức là không có hư dối, tức là tác dụng khởi thật ngữ.

Pháp tướng sai biệt, toàn văn lớn phân hai đoạn là nêu và giải thích. Trong giải thích lại phân hai phần là Bất thiện và Thiện. Quyển 59 ghi: “Mười ác nghiệp đạo có năm tướng sai biệt:

1. Sự.
2. Tướng, Đối Pháp thì gọi là Gia hạnh.
3. Dục lạc.
4. Phiền não.
5. Cứu cánh.

Như vậy trong sát sinh, đối với chúng sinh thì gọi là Sự, vì tự sát và Phi tình không phải nghiệp đạo. Khởi ham muốn sát hại gọi là Tướng, vì khởi tướng hại chúng sinh, có thể sinh Dục lạc, Tướng từ tên của quả, khởi tâm nhiễm ô gọi là Dục lạc, nương vào tướng này mà khởi tâm như vậy: “Ta sẽ hại để sinh khởi Dục lạc”. Khởi phương tiện sát, gọi là Phiền não, tướng phương tiện của tham sân si.

Trong Sát cứu cánh, chỗ có thân nghiệp gọi là Cứu cánh, hoặc Vô giá, hoặc sau khi chết, hoặc là bốn thứ này:

1. Sự.

2. Dục lạc.

3. Phiền não.

4. Phương tiện, tức là Tướng, Đối Pháp luận gọi là Gia hạnh.

“Năm Cứu cánh hoặc phương tiện”, là Gia hạnh đạo, lược bỏ không có nói Tướng của nó, nhân đó nói phương tiện, phương tiện không phải nghiệp đạo, chín nghiệp đạo còn lại căn cứ theo đây có thể hiểu. Luận này nói Dục lạc làm nhiễm tâm, là lựa riêng với từ bị thực hành sát sinh của Đại thừa Bồ-tát, trong Hậu đắc trí thì không phải nhiễm ô. Trong năm nghĩa nếu thiếu một thì không thành nghiệp đạo, phải đủ năm chi mới thành nghiệp đạo. Lại như sát sinh, đối với sát sinh kia mà không phải Tướng sát sinh kia, không phải đối với các Tướng sát sinh kia; Phi nghiệp đạo, đối với các Tướng kia, không phải đối với sát sinh kia mà không phải Tướng sát sinh kia, đều không thành nghiệp đạo. Các nghiệp đạo còn lại đều căn cứ theo đây mà biết.

Trong Dục tà hạnh, “chỗ không nên làm”, là ba nhiếp của người khác, tất cả nam và bất nam. “Nếu Phi đạo...”, nếu là vợ con của mình cũng thành nghiệp đạo, vì người khác nhiếp lấy.

Trong vọng ngữ, “giả dối chứng”, là trong Kiến văn giác tri giả dối chứng là không thấy nghe hay biết.

Trong thô ác ngữ nghiệp đạo, “là hữu tình khác”, đây là căn cứ theo Tăng thượng thù thắng ngữ, Đối Pháp luận ghi: “Chỉ phát lời ác thì liền thành nghiệp đạo”. Hoặc đối với hữu tình mới thành nghiệp đạo, Phi tình không đối thì đều không phải là nghiệp đạo. Quyển 60 ghi: “Thô ngữ nghiệp đạo thuộc chỗ hữu tình khởi”. Văn này cũng nói đối với hữu tình. Nhưng trong quyển 59 và Đối Pháp nói thô ác ngữ nhiễm mới hủy báng, nói phát ngôn gọi là Cứu cánh, không phải đều là nghiệp đạo.

Trong ỷ ngữ, “không nói Cảnh”, là Độc đầu ỷ ngữ, chỉ phát ngôn thì liền thành nghiệp đạo. “Chỗ nhiếp cùng với chỗ khác hợp chung”, là cũng có Cảnh, quyển 60 ghi: “Ba thứ sát sinh, thô ngữ và sân khuể, tham sân si làm Gia hạnh, Sân làm Cứu cánh. Ba thứ không cho mà lấy, Dục tà hạnh và Tham dục, cả ba làm Gia hạnh, Tham làm Cứu cánh. Ba thứ Vọng ngữ, Ly gián ngữ và ỷ ngữ, cả ba làm Gia hạnh, cả ba làm Cứu cánh. Một thứ Tà kiến là Gia hạnh, Si làm Cứu cánh. Tụng rằng:

Sát, thô, sân do Khuể, Trộm, tà, tham do Tham,

Ba ba Tà kiến Nghi, Ác nghiệp đạo Cứu cánh.

Trong mười nghiệp đạo, thì Sát sinh, Tà hạnh, Vọng ngữ, Ly gián, Thô ngữ, Sân khuể, sáu nghiệp đạo này thuộc chỗ hữu tình khởi; hai

nghiệp đạo không cho mà lấy và tham dục, thuộc chỗ tài sản khởi, vì hữu tình và vật đều là tài sản. Ý ngữ nghiệp đạo thuộc chỗ thân khởi, Tà kiến nghiệp đạo thuộc chỗ của các hạnh khởi, nếu hủy báng Vô vi, vì không thân cận, phải nói tụng rằng:

Hữu tình và tài sản Là Hành xứ của thân

Sáu, hai, một và một Như vậy nghiệp đạo khởi.

Trong mười Thiện nghiệp đạo, mỗi một nghiệp đạo đều có năm, đó là: Sự, Tướng, Nghiệp, Phiền não và Cứu cánh.

Đoạn lớn thứ ba, nghiệp nhân theo mười hai chủng tướng, ba chủng tướng đầu là Bất thiện căn; thứ tư là do Tự lực; thứ năm là do Tha lực; thứ sáu là do chỗ đuổi bức của vua; thứ bảy là đã được vật của tự mình mà sinh tham dục, trước là tham vật của người khác, đây là tham ái tài sản của tự mình, cho nên thành sai biệt; thứ tám là có chỗ kinh sợ mà hành các nghiệp sát, đạo... như sợ người khác giết mình mà mình hành sát...; thứ chín vì có chỗ tổn hại, như chuột làm tổn hại vật, hoặc sợ rắn tổn thương mà hành sát...; thứ mười là một pháp Tướng đem làm đạo lý, như chấp rằng hại sinh vật cho là chánh pháp.

Trong nghiệp vị, do “Nhuyễn phẩm bất thiện nghiệp sinh vào Bàn sinh...”, kinh Thập Địa ghi: “Trung phẩm thì sinh Súc sinh, Nhuyễn phẩm thì sinh Ngạ quỷ”, cùng với luận này không đồng. Quỷ có hai thứ:

1. Phước đức.
2. Bạc phước.

Luận này căn cứ theo trung phẩm bạc phước, luận kia căn cứ theo phước đức phẩm hạ, cũng không trái nhau.

